TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2022/HS-ST
Ngày: 02-8-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Nguyễn Văn Hết

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Kim Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST - HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu Kh**, sinh ngày 08/10/2003, tại Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TS, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hữu D, sinh năm 1986 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1987; Có 01 người em sinh năm 2010; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 02 tiền sự theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số **/QĐ-XPHC ngày 19/02/2021 (đã nộp phạt ngày 25/02/2021), số **/QĐ-XPHC ngày 09/7/2021 (chưa nộp phạt) của Công an xã Cẩm Sơn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

Người bị hại: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1954; Nơi cư trú: ấp PS, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp PL, xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt không lý do)

2. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 2000; Nơi cư trú: ấp PL, xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/02/2022, Trần Hữu Kh đi bộ trên đường lộ liên xã CS đến NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre, khi đi đến nhà bà Huỳnh Thị C, Kh nhìn thấy xe mô tô biển số 71B3 - 866.61 của ông Huỳnh Văn B (ngụ cùng ấp) đang dựng bên hông nhà bà C, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm để sử dụng. Lúc này, Kh nhìn thấy nhà bà C có người nên đi đến sạp bán hàng cạnh nhà bà C ngồi quan sát, khi thấy không ai trông coi xe, Kh lén lút đi vào dẫn xe ra lộ, khởi động máy điều khiển chạy về hướng Quốc lộ 57 đến lộ bê tông thuộc ấp PL, xã AĐ, huyện M thì dừng lại kiểm tra bên trong cốp xe có 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy phép lái xe; 01 (một) căn cước công dân và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Xong, Khánh tháo 02 (hai) kính chiếu hậu cất vào cốp xe cùng với các giấy tờ nói trên rồi đem xe đến nhà bạn tên Đoàn Văn L ở ấp PL, xã AĐ, huyện M để gửi. Đến ngày 15/02/2022, Kh lấy xe mô tô nói trên chở bạn gái tên Nguyễn Thị H đi đến xã HM, huyện M, khi đi đến địa phận xã NĐ thì bị Công an xã NĐ phát hiện mời làm việc, Kh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô 71B3 - 866.61 cho cơ quan Công an, riêng hai kính chiếu hậu của xe Kh đã cho một người bạn tên Th (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) không thu hồi được.

* Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm có: 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại: Wave; Số khung: 3919KY065125; Số máy: JA39E0921313; Màu sơn: Đen - bạc, bánh căm, thắng đùm; Biển số: 71B3 - 866.61. Bên trong cốp xe có: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320347694; 01 (một) giấy phép lái xe số AU141763; 01 (một) căn cước công dân số 083054005641 đều mang tên Huỳnh Văn B, sinh năm 1954; Đăng ký thường trú: ấp PS, xã NĐ, huyện M và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 197715, tên chủ xe: Lê Văn T, biển số: 71B3-866.61.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện M, kết luận: Xe mô tô biển số 71B3-866.61 nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen - bạc, bánh căm, thắng đùm, số máy JA39E0921313, số khung 3919KY065125, đã qua sử dụng, trị giá 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Huỳnh Văn B toàn bộ vật chứng nêu trên theo Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-ĐCSHS ngày 23/5/2022.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSMCN ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với bị cáo Trần Hữu Kh về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu Kh phạm tội "Trộm cắp tài sản": Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Hữu Kh từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả cho bị hại Huỳnh Văn B 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại: Wave; Số khung: 3919KY065125; Số máy: JA39E0921313; Màu sơn: Đen - bạc, bánh căm, thắng đùm; Biển số: 71B3 - 866.61 (đã qua sử dụng); 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320347694; 01 (một) giấy phép lái xe số AU141763; 01 (một) căn cước công dân số 083054005641 đều mang tên Huỳnh Văn B, sinh năm 1954; Đăng ký thường trú: ấp PS, xã NĐ, huyện M và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 197715, tên chủ xe: Lê Văn T, biển số: 71B3-866.61; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác nên không xem xét. Đối với Đoàn Văn L đã cho bị cáo Trần Hữu Kh gửi xe mô tô trộm được nhưng L không biết xe là do Kh trộm cắp mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với người nam tên Th (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Bị hại Huỳnh Văn B trình bày: Tài sản bị mất là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại: Wave; Số khung: 3919KY065125; Số máy: JA39E0921313; Màu sơn: Đen - bạc, bánh căm, thắng đùm; Biển số: 71B3 - 866.61. Bên trong cốp xe có: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy phép lái xe; 01 (một) căn cước công dân đều mang tên Huỳnh Văn B và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 197715, tên chủ xe: Lê Văn T, biển số: 71B3-866.61. Ông đã nhận lại xe và toàn bộ tài sản có trong cốp xe. Tuy nhiên, chiếc xe đã mất 02 kính chiếu hậu nhưng ông không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự: Ông yêu cầu Tòa án xét xử bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cảm thấy ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các người làm chứng Nguyễn Thị H, Đoàn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Kh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, kết quả giám định và lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Với động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên khoảng 16 giờ ngày 13/02/2022 tại ấp PS, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre, Trần Hữu Kh đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Huỳnh Văn B 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 71B3-866.61 trị giá 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Hữu Kh đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 19/CT-VKSMCN ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam truy tố bị cáo Trần Hữu Kh phạm tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với Đoàn Văn L đã cho bị cáo Trần Hữu Kh gửi xe mô tô trộm được nhưng L không biết xe là do Kh trộm cắp mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng: Trong vụ án, bị cáo Trần Hữu Kh thực hiện hành vi của mình là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo đã đủ 18 tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi của mình là trái pháp luật, bản thân bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe và điều kiện có thể tham gia lao động nuôi sống bản thân nhưng vì động cơ lười lao động muốn có tài sản tiêu xài nên bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông Huỳnh Văn B. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng

đến tình hình an ninh trật tự trị an xã hội ở địa phương, gây tâm lý bất an lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, bị cáo phải chịu sự trừng phạt của chế tài pháp luật hình sự đối với hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể là có 02 tiền án cùng bị Công an xã CS xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 09/7/2021. Điều đó chứng tỏ bị cáo không chấp hành đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước, có thái độ xem thường pháp luật.

Do đó, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, để thể hiện sự răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật, xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng cho bị cáo, đồng thời cách ly các bị cáo với hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà đều cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trả cho bị hại Huỳnh Văn B 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại: Wave; Số khung: 3919KY065125; Số máy: JA39E0921313; Màu sơn: Đen - bạc, bánh căm, thắng đùm; Biển số: 71B3 - 866.61; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320347694; 01 (một) giấy phép lái xe số AU141763; 01 (một) căn cước công dân số 083054005641 đều mang tên Huỳnh Văn B, sinh năm 1954; Đăng ký

thường trú: ấp PS, xã NĐ, huyện M và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 197715, tên chủ xe: Lê Văn T, biển số: 71B3-866.61.

[9] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng, đề nghị giải quyết các vấn đề khác là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Hữu Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu Kh phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1] Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Kh 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trả cho bị hại Huỳnh Văn B 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại: Wave; Số khung: 3919KY065125; Số máy: JA39E0921313; Màu sơn: Đen - bạc, bánh căm, thắng đùm; Biển số: 71B3 - 866.61 (đã qua sử dụng); 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320347694; 01 (một) giấy phép lái xe số AU141763; 01 (một) căn cước công dân số 083054005641 đều mang tên Huỳnh Văn B, sinh năm 1954; Đăng ký thường trú: ấp PS, xã NĐ, huyện M và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 197715, tên chủ xe: Lê Văn T, biển số: 71B3-866.61.

(Theo Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-ĐCSHS ngày 23/5/2022).

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu Kh phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Công an huyện M (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
-UBND xã CS, huyện M (1b);
- Bị cáo (1b), bị hại (1b);
- Bộ phận Thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (HS,VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang